



4.										
5.										
6.										
7.										

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

1.8. Chính sách ưu tiên.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

## **2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên**

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

2.1.1. Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và bằng tốt nghiệp THPT; người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành; người có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên có thể học tiếp các

chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng chuyên môn phù hợp hoặc theo hướng chuyên môn khác nếu đáp ứng được các điều kiện của chương trình đào tạo.

2.1.2. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

2.2. Phạm vi tuyển sinh.

Tuyển sinh trong nước và quốc tế.

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

2.3.1. Thi tuyển, trường tổ chức thi ba môn gồm môn cơ bản, môn cơ sở ngành, môn chuyên ngành;

2.3.2. Xét tuyển:

a. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập năm lớp 12 THPT, theo các tổ hợp môn do Hiệu trưởng quy định;

b. Thi tuyển do trường tổ chức: điểm các môn thi tối thiểu phải 5.0 điểm trở lên;

c. Xét tuyển dựa vào kết quả tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản quy định	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	ĐH	7140202	Giáo dục Tiểu học	500		23	8091/QĐ-BGDĐT	24/12/2007	Bộ GD-ĐT	2007
2	ĐH	7480201	Công nghệ thông tin	500		20	347/QĐ-BGDĐT	21/01/2008	Bộ GD-ĐT	2010
3	ĐH	7340201	Kế toán	500		70	817/QĐ-BGDĐT	27/02/2010	Bộ GD-ĐT	2010

4	ĐH	7580201	Kỹ thuật xây dựng	500		50	554/QĐ-BGDĐT	06/02/2013	Bộ GD-ĐT	2013
5	ĐH	7640101	Thú y	500		20	1665/QĐ-BGDĐT	14/06/2019	Bộ GD-ĐT	2019
6	ĐH	7620110	Khoa học cây trồng	500		40	4175/QĐ-BGDĐT	06/10/2015	Bộ GD-ĐT	2015
7	ĐH	7220201	Ngôn ngữ Anh	500		30	275/QĐ-BGDĐT	13/01/2009	Bộ GD-ĐT	2009
8	ĐH	7340101	Quản trị kinh doanh	500		20	347/QĐ-BGDĐT	21/01/2008	Bộ GD-ĐT	2008

## 2.5. Ngưỡng đầu vào.

2.5.1. Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học nhóm ngành đào tạo giáo viên ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Học lực lớp 12 đạt loại giỏi trở lên hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;
- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;
- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

2.5.2. Đối với thí sinh dự tuyển vào đại học nhóm ngành đào tạo khác, ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Thi tuyển do trường tổ chức: điểm các môn thi phải 5.0 điểm trở lên;
- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập năm lớp 12 THPT: điểm trung bình cộng của các môn học thuộc tổ hợp môn xét tuyển không nhỏ hơn 5.0;

- Xét tuyển dựa vào kết quả tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học: tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại trung bình trở lên.

2.5.3. Đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019, ngưỡng đầu vào được được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

a. Thi tuyển do trường tổ chức: điểm các môn thi phải 5.0 điểm trở lên;

b. Xét tuyển dựa vào kết quả tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học trở lên, xếp loại tốt nghiệp phải đạt loại trung bình trở lên.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

2.6.1. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 THPT

Mã trường: HHT

Mã ngành, tổ hợp môn xét tuyển:

<b>T T</b>	<b>Ngành học</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Tổ hợp</b>
1.	Công nghệ thông tin	7480201	<b>A00:</b> Toán, Lý, Hóa; <b>A01:</b> Toán, Lý, Anh; <b>A02:</b> Toán, Lý, Sinh; <b>A09:</b> Toán, Địa, GDCD.
2.	Giáo dục Tiểu học	7140202	<b>C04:</b> Văn, Toán, Địa; <b>C14:</b> Văn, Toán, GDCD; <b>B03:</b> Toán, Sinh, Văn; <b>D01:</b> Văn, Toán, Anh.
3.	Khoa học cây trồng	7620110	<b>A00:</b> Toán, Lý, Hóa; <b>B00:</b> Toán, Hóa, Sinh; <b>B03:</b> Toán, Sinh, Văn; <b>D07:</b> Toán, Hóa, Anh.
4.	Thú y	7640101	<b>A00:</b> Toán, Lý, Hóa; <b>B00:</b> Toán, Hóa, Sinh; <b>D07:</b> Toán, Hóa, Anh; <b>A09:</b> Toán, Địa, GDCD.
5.	Kỹ thuật xây dựng	7580201	<b>A00:</b> Toán, Lý, Hóa; <b>A01:</b> Toán, Lý, Anh; <b>A02:</b> Toán, Lý, Sinh; <b>A09:</b> Toán, Địa, GDCD.
6.	Kế toán	7340301	<b>A00:</b> Toán, Lý, Hóa; <b>C14:</b> Văn, Toán, GDCD; <b>D01:</b> Văn, Toán, Anh; <b>C20:</b> Văn, Địa, GDCD.
7.	Quản trị kinh doanh	7340101	<b>A00:</b> Toán, Lý, Hóa; <b>C14:</b> Văn, Toán, GDCD; <b>D01:</b> Văn, Toán, Anh; <b>C20:</b> Văn, Địa, GDCD.
8.	Ngôn ngữ Anh	7220201	<b>D01:</b> Văn, Toán, Anh; <b>D14:</b> Văn, Sử, Anh; <b>D15:</b> Văn, Địa, Anh; <b>D66:</b> Văn, GDCD, Anh;.

Điểm xét tuyển (ĐXT) được xác định như sau

$$ĐXT = ĐM_1 + ĐM_2 + ĐM_3 + UTKV + UTĐT$$

ĐMi (i = 1, 2, 3) là điểm tổng kết năm học lớp 12 của môn học thứ i thuộc tổ hợp xét tuyển làm tròn đến một chữ số thập phân.

2.6.2. Xét tuyển dựa vào kết quả thi do trường tổ chức.

Trường tổ chức thi tuyển sinh liên thông riêng: tự ra đề thi và tổ chức thi tuyển.

Các môn thi tuyển sinh liên thông riêng bao gồm: môn cơ bản, môn cơ sở ngành và môn chuyên ngành hoặc thực hành nghề.

2.6.3. Thời gian đào tạo phù hợp với chương trình đào tạo từng ngành học và đối tượng tuyển sinh.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

2.7.1. Thời gian nhận hồ sơ: bắt đầu từ: 02/02/2023; tuyển sinh liên tục trong năm.

2.7.2. Hồ sơ đăng ký.

- Phiếu đăng ký tuyển sinh (mẫu gửi kèm);
- Bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên (photo công chứng);
- Bảng điểm tốt nghiệp từ trung cấp trở lên (photo công chứng);
- Bằng tốt nghiệp THPT (photo công chứng);
- Học bạ THPT (photo công chứng).

2.7.3. Địa chỉ liên hệ

Địa chỉ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Hà Tĩnh, Tầng 1, Toà nhà 15 tầng, Cơ sở Cẩm Vịnh (Ngã tư đường tránh thành phố Hà Tĩnh), tỉnh Hà Tĩnh;

Hotline: **0963.300.555**; **0944.322496**

Email: [tuan.dangquoc@htu.edu.vn](mailto:tuan.dangquoc@htu.edu.vn)

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

2.9.1. Xét tuyển: 20.000 đồng/hồ sơ;

2.9.2 Thi tuyển: 150.000 đồng/môn thi.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

<b>Khối ngành đào tạo</b>	<b>2021-2022 (01 tháng)</b>	<b>2022-2023 (01 tháng)</b>	<b>2023-2024 (01 tháng)</b>	<b>2024-2025 (01 tháng)</b>	<b>2025-2026 (01 tháng)</b>
<b>- Khoa học tự nhiên; - Máy tính và công nghệ thông tin; - Kiến trúc và xây dựng</b>	1 755 000	1 755 000	1 755 000	1 922 347	2 268 369
<b>Các khối ngành còn lại</b>	1 470 000	1 470 000	1 564 552	1 610 171	1 900 002

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

- Tuyển sinh đợt 1: tháng 2/2023
- Tuyển sinh đợt 2: tháng 3/2023
- Tuyển sinh đợt 3: tháng 4/2023
- Tuyển sinh đợt 4: tháng 5/2023
- Tuyển sinh đợt 5: tháng 6/2023
- Tuyển sinh đợt 6: tháng 7/2023
- Tuyển sinh đợt 7: tháng 8/2023
- Tuyển sinh đợt 8: tháng 9/2023
- Tuyển sinh đợt 9: tháng 10/2023
- Tuyển sinh đợt 10: tháng 11/2023
- Tuyển sinh đợt 11: tháng 12/2023

2.12. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

Trường cam kết tạo mọi điều kiện cho thí sinh theo đúng quy định khi thí sinh gặp rủi ro.

2.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).



---